

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD2+P4	7:25	2+3+13	0+0+0		4+3+15	0+0+0	CHUYỂN 2 TD1- TD2
2		BK10+BK6+PPD	7:25	6+0+16	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
3		P4+RP3+RC5	7:25	11+11+0	0+0+0		9+4+9	0+0+0	CHUYỂN 2 P4- RP3
4		RP3+BK16+CLO	9:25	18+4+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
5		PPD+P9+RP2	9:25	21+1+0	0+0+0		9+3+7	0+0+0	

TTBĐSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: TD1 - TD2 - P4	CREW: MTHẮNG - VTHU - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	26	1	12	20	75	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC TÂN	TD1	25	1	11		70	T-TIN	Vietnamese
3	TELESHENKO I.A	TD2	49	1	15	35	118	KHOAN	Russian
4	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	51	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	TD2	48,50	2	8	10	68	T-TIN	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	P4	12	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
7	LÂM NHƯT MINH	P4	13	1	7	98	60	CODIEN	Vietnamese
8	YAKIMENKO V.A.	P4	03	1	9		109	KHI	Russian
9	ZAGUDAEV V.E	P4	07	1	5		87	KHI	Russian
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	09	1	3		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	P4					63	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	05	1	3		66	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	04	1	8		73	KHI	Vietnamese
14	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	10	1	10		69	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ HUY	P4	06	1	10		66	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN HOÀN	P4	08	1	2		67	KHI	Vietnamese
17	LÊ VĂN MẠNH	P4					57	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG NAM	P4	11	1	5		64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	2	2	23	145	20	4	2	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1 SANG TD2
2	TD2	3	4	25	261	45	3		
3	P4	13	11	74	916	98	15		
TOTAL		18	17	122	1.322	163	22		
WEIGHT KG				122	1.322	163			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: BK10 - BK6 - PPD	CREW: Hanh Duong M. Quen	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUÂN	BK10	22	1	7	30	73	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG NGỌC HOÀI	BK10	43	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MINH TÂM	BK10	44-45	2	11		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH NGỌC	BK10	24-25	2	20	32	90	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	BK10	42,63	2	14		79	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG AN	BK10	23	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
7	GALLIAMOV	PPD	43	1	5	30	75	KH-THAC	Russian
8	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	47	1	2		75	KHI	Vietnamese
9	OKOVANSEV G.P	PPD	40	1	12		115	KHI	Russian
10	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	PPD	37	1	3		68	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	33	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	31	1	6		80	KHI	Vietnamese
13	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	48	1	4		70	KHI	Vietnamese
14	NGÔ SỸ THANH	PPD	44	1	2		87	KHI	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	32	1	6		78	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	42	1	5		76	KHI	Vietnamese
17	TRINH VĂN CƯỜNG	PPD	41	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	36	1	6		62	KHI	Vietnamese
19	LÊ THANH TRUNG	PPD	38	1	2		65	KHI	Vietnamese
20	TRẦN HUỖNH ANH PHONG	PPD	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN TUÂN	PPD	34-35	2	5		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	9	73	437	62	0		
2	BK6	0	0	0	0	30	2		
3	PPD	16	16	72	1.215	30	20		
TOTAL		22	25	145	1.652	122	22		
WEIGHT KG				145	1.652	122			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P4 - RP3 - RC5	CREW: HUNG - Linh - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG VINH	P4	58	1	7		70	KHI	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	59	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG HUY	P4	60	1	7	40	80	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG THANH SƠN	P4	69	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC TUẤT	P4	65-66	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	P4	63-64	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN NGỌC TUẤN ANH	P4	71	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN QUANG	P4	61-62	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
9	VÕ VĂN DŨNG	P4	68	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	LÊ ĐẮC NHÀ	P4	67	1	3		60	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN MUỘI	P4	70	1	5		55	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LÊM	RP3	73	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HAI	RP3	70	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
14	REVIKIN V.N	RP3	66	1	10		88	KHI	Russian
15	BUI VĂN HÙNG	RP3				40	70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	72	1	5		71	KHI	Vietnamese
17	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	87-88	2	12		67	KHI	Vietnamese
18	HÀ VĂN THUY	RP3	68	1	5		75	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN KỶ	RP3	69	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	74,66	2	7		80	KHI	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC KHANH	RP3					88	KHI	Vietnamese
22	VÕ ĐÓN LONG	RP3	67	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

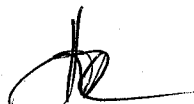
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	14	95	745	40	97	2	CHUYEN 02 PAX/TU P4 SANG RP3
2	RP3	11	11	64	811	40	4		
3	RC5	0	0	0	0	40	9		
TOTAL		22	25	159	1.556	120	22		
WEIGHT KG				159	1.556	120			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

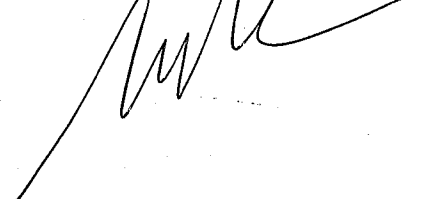
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: RP3 - BK16 - CLO	CREW: Hạnh - Dương - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	11	1	3		65	KHI	Vietnamese
2	HOANG VAN HAI	RP3	02	1	10		62	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
4	NGO NGOC HAN	RP3	94	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	LAI VAN MINH	RP3	90	1	4		64	KHI	Vietnamese
6	TÀ PHI KHANH	RP3	01	1	2		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TIEN DUAN	RP3	99,700	2	12		67	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	96-98	3	15		66	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN HOANG	RP3	95	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HẠNH	RP3	06-07	2	15		53	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HIỆP THANH	RP3	08	1	6		85	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ ANH TUÂN	RP3	04,05	2	8		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT KHANH	RP3	03	1	9	19	75	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÔNG HAI	RP3	93	1	9		58	KHI	Vietnamese
15	LAI TUÂN KÝ	RP3	09	1	5		105	KHI	Vietnamese
16	LÊ THANH HAI	RP3	91	1	6		62	PSV	Vietnamese
17	LÊ VIỆT HÙNG	RP3	92	1	4		70	PSV	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HUNG	RP3	89	1	6		79	PSV	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN DŨNG	BK16	40	1	7	35	71	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN DANH TRUNG	BK16	34-35	2	12	12	69	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG CÔNG DANH	BK16	38-39	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
22	KIM NHẬT THÀNH	BK16	36-37	2	14		67	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	22	124	1.260	19	11		
2	BK16	4	7	48	277	47	8		
3	CLO	0	0	0	0	50	3		
TOTAL		22	29	172	1.537	116	22		
WEIGHT KG				172	1.537	116			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: PPD - P9 - RP2	CREW: HUNG - Linh - Luy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRUNG LÂN	PPD	62	1	4		80	KHI	Vietnamese
2	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	70	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	KHÔNG TIÊN DỪNG	PPD	67	1	10	45	78	KHI	Vietnamese
4	TRẦN LÊ RĂNG	PPD	53	1	5	20	88	KHI	Vietnamese
5	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	PPD	69	1	5		58	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN TUÂN ANH	PPD	73-74	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN TRỌNG THẮNG	PPD	75	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	PPD	63	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	39	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG SỸ	PPD	64	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
11	TẠ TRUNG HIỆU	PPD	65-66	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐÀU	PPD	60	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG HUÂN	PPD	51-52	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TRƯỜNG	PPD	54-55	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC VIỆT	PPD	49-50	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN BÌNH	PPD	58-59	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HUNG	PPD	71-72	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	68	1	5		55	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	57	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGÔ XUÂN HƯƠNG	PPD	61	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	56	1	10		70	KHI	Vietnamese
22	LÊ MINH THỦY	P9	78	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	28	219	1.451	65	9		
2	P9	1	1	5	70	30	3		
3	RP2	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		22	29	224	1.521	135	19		
WEIGHT KG				224	1.521	135			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/05/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TD1	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
2		CLI+P7	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3		TD5+PPD	7:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
4		PPD+AMD	9:25	15+6	0+0		4+18	0+0	
5		TD3+TTC1+AMD	9:25	10+0+12	0+0+0		2+8+12	0+0+0	
6		P2+CLI	9:25	5+17	0+0		2+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: AMD - TD1	CREW: Vận - XTrường - THỤ	ETA: 09:10
xanhh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VĂN BẮC	AMD	73	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TRI HÙNG	AMD	80	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG THO	AMD	76-77	2	17		65	TLJOC	Vietnamese
4	TRAN THANH QUANG	AMD	70-71	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
5	DUONG VAN HANH	AMD	83-84	2	12	90	60	HLJOC	Vietnamese
6	TRAN HAI NAM	AMD	60-61	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG NHAT QUANG	AMD	65-66	2	10	27	65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH HAI	AMD	79	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG DUNG	AMD	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG KIEN	AMD	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUANG LONG	AMD	68	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC TUAN	AMD	74	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VIET	AMD	69	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	AMD	75	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHI MANH HAI	AMD	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG CONG TAN	AMD	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	78	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	62	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH KHOA	AMD	64	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN KHANH	AMD	63	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM THANH HUNG	AMD	85-86	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUAN	AMD	93	1	5		70	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	28	176	1.484	117	18		
2	TD1	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		22	28	176	1.484	142	22		
WEIGHT KG				176	1.484	142			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CLI - P7	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	05	1	6	60	71	KH-THAC	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L.	CLI	22	1	5		130	KH-THAC	Russian
3	KHAVANJAN R.I.	CLI	23	1	10		78	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	CLI	19	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	10	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH CÔNG	CLI	15	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI					69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI	18	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN VƯỢNG	CLI	21	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	01-02	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI QUỐC HUNG	CLI	08	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VU	CLI	13	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	20	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN DÂN	CLI	16-17	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG ĐÌNH HUAN	CLI	12	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH TIẾN BÌNH	CLI	11	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	04	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH THẾ ANH	CLI	06-07	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TIẾN HIỆP	P7	89-90	2	10	60	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	23	129	1.611	60	21		
2	P7	1	2	10	60	60	1		
TOTAL		22	25	139	1.671	120	22		
WEIGHT KG				139	1.671	120			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD5 - PPD	CREW: Phong - CHIẾN - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

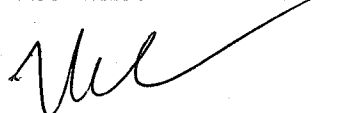
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	TD5	45-46	2	15		86	CODIEN	Vietnamese
2	TRỊNH NGỌC TÚ	TD5	51	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
3	ĐỖ VIỆT LONG	TD5	54	1	12	30	59	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC BIỂU	TD5	49-50	2	15		64	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG SƠN	TD5	52-53	2	15		63	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG DUNG	TD5	47-48	2	15		64	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN GIA CHUNG	PPD	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHÙNG PHÚ SỮA	PPD	05	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HOÀI BẢO	PPD	12-13	2	9		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	01	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	10	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					54	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD	02	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH DUY NAM	PPD	07	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TÂN	PPD	09	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	06	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	03	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG CUƠNG	PPD	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯỜNG TRI DUNG	PPD	11	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	10	82	408	30	5		
2	PPD	16	13	62	1.111	0	17		
TOTAL		22	23	144	1.519	30	22		
WEIGHT KG				144	1.519	30			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

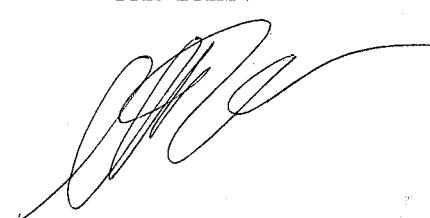
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: PPD - AMD	CREW: Vận - XTrường - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG VĂN TĂNG	PPD	16	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN HAI	PPD	32	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
4	LÂM TRỌNG ĐẠI	PPD	29	1	10	9	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	20-21	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC DUNG	PPD	22	1	9		56	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGOC SON	PPD	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN SON	PPD	17-18	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THỤ	PPD	25	1	7		51	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN THƯA THAI	PPD	26	1	9	55	63	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH NHẬT	PPD	23	1	7		75	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN TÙNG SƠN	PPD	24	1	8	60	61	T-TIN	Vietnamese
13	PHAN THANH HAI	PPD	14	1	10		65	PSV	Vietnamese
14	TRẦN HÙNG	PPD	27-28	2	17		93	PVGAS	Vietnamese
15	NGUYỄN BÀ HIỆP	PPD	30	1	5		75	PVGAS	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HIỆU	AMD	27-28	2	15	15	70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHIEP	AMD	30	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	31	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TĂNG XUÂN HAI	AMD	32	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	26	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	ĐO VĂN QUANG	AMD	29	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	18	125	985	124	4		
2	AMD	6	7	45	401	15	18		
TOTAL		21	25	170	1.386	139	22		
WEIGHT KG				170	1.386	139			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: TD3 - TTC1 - AMD	CREW: Phong - CHIẾN - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD3	99	1	7	60	68	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM THAI SƠN	TD3	33-34	2	20		60	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN CAO TUẤN	TD3	31	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
4	HÀ QUANG HUY	TD3	35	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
5	HOANG ĐỨC HAI	TD3	32	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
6	VŨ MẠNH ĐIẾP	TD3	36	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD3	37	1	12		96	CODIEN	Vietnamese
8	ĐO DUY TIẾN	TD3	38	1	14		86	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ ANH TUẤN	TD3	500	1	18	12	67	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN THAI AN	TD3	98	1	7		72	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU BÌNH	AMD	99	1	5	20	53	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUẤN	AMD	97-98	2	5		80	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	96	1	5		56	PSV	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	01	1	3		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN LÂM THẮNG	AMD	100	1	3		85	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN TÍNH	AMD	10	1	6		54	HA VIET	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HIỆU	AMD	03-04	2	12		51	HA VIET	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN TRUNG	AMD	05-06	2	10		56	HA VIET	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY KHANH	AMD	02	1	12		61	HA VIET	Vietnamese
20	BUI SỸ VŨ	AMD	07	1	11		65	HA VIET	Vietnamese
21	LÊ QUANG VINH	AMD	08-09	2	15	25	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	115	722	72	2		
2	TTC1	0	0	0	0	0	8		
3	AMD	11	15	87	674	45	12		
TOTAL		21	26	202	1.396	117	22		
WEIGHT KG				202	1.396	117			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 08/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: P2 - CLI	CREW: HỒi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUY TÂN	P2	25	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TINH	P2	24	1	7	20	77	CODIEN	Vietnamese
3	VU XUAN CHINH	P2	92	1	12	20	59	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM HONG VU	P2	93	1	8	13	47	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN ANH ĐỨC	P2	23	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	44	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TAN HAU	CLI	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG NGÂN	CLI	40	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NHẬT MINH	CLI	46-47	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN MINH DUY	CLI	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	CLI	38-39	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH HAI	CLI				90	82	KH-THAC	Vietnamese
13	TẠ THANH QUANG	CLI	42	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	41	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LAM	CLI	30	1	11		96	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH LÊ	CLI	31-32	2	10		66	YTE	Vietnamese
17	PHẠM THANH NHA	CLI	34	1	8		82	PSV	Vietnamese
18	LÊ CAO HAI	CLI	29	1	5		64	PSV	Vietnamese
19	CAO VIỆT BAO	CLI	28	1	6		53	PSV	Vietnamese
20	VU HUU TRUONG	CLI	35	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	VUONG ĐỨC HUY	CLI	36-37	2	15		91	PSV	Vietnamese
22	VU DINH HOI	CLI	33	1	6		86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	5	41	330	53	3		
2	CLI	17	20	123	1.233	90	19		
TOTAL		22	25	164	1.563	143	22		
WEIGHT KG				164	1.563	143			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/05/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CIO+RP2	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
2		CTC1+TD1+BK4	7:25	8+14+0	0+0+0		7+11+4	0+0+0	
3		RP2+RC3+CTK3	7:25	11+9+2	0+0+0		7+11+4	0+0+0	
4		T.UNG	7:25	18	0		17	0	
5		TD3+P9+BK6	9:25	7+10+2	0+0+0		4+0+14	0+0+0	
6		TD5+RP2	9:25	1+19	0		1+21	0	SU CO TD5

TTPDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: CLO - RP2	CREW: VThắng - Linh - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	81	1	7		82	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	71	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	67	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	VU MINH TU	CLO	74	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU VĂN MINH	CLO	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	CLO	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN MẠNH-PVD	CLO	78	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHIEN THANG-PVD	CLO	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	87	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN VIỆT	CLO	73	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	76-77	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG THANH MINH	CLO	85-86	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ DUY NGỌC	CLO	80	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN KHUÛ	CLO	100	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LUÂN	CLO	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUẾ	CLO	79	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THUY	CLO	75	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	03	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	02	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TRỌNG NGUYỄN	RP2	01	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	04	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	20	114	1.261	40	13		
2	RP2	4	4	19	307	40	9		
TOTAL		22	24	133	1.568	80	22		
WEIGHT KG				133	1.568	80			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: CTC1 - TD1 - BK4	CREW: Khang - KHOÀN - QTrưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.A	CTC1	47	1	8		94	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	51	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI SY HIEU	CTC1	48	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐAU HUY HOANG	CTC1	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG XUAN THANH	CTC1	50	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG THE HIEN	CTC1	43-44	2	12		65	NIPI	Vietnamese
8	LÊ TRUNG TIEN	CTC1	52	1	7		67	GETRACO	Vietnamese
9	NG. VAN DUNG*GPCK	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	57	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	STESHIN V.B	TD1	48	1	12		160	KHOAN	Russian
12	BUI NGOC QUANG	TD1					64	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN VIET HUNG	TD1	46-47	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	45	1	5	40	67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ NGUYỄN GIAP*PK-PVD	TD1	55	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN NAM*PK-PVD	TD1	58	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	49	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG TRUNG HIEU*PK-PVD	TD1	56	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH CAO TRỌNG	TD1	50-51	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ MẠNH HAI	TD1	52-53	2	16		82	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ SY ĐỨC	TD1	43-44	2	10		70	ANTOAN	Vietnamese
22	ĐOAN VAN HUNG	TD1	54	1	12		66	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

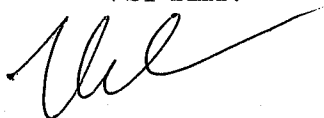
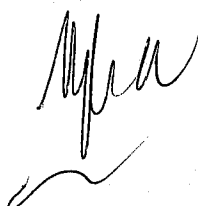
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	8	9	54	579	30	7		
2	TD1	14	16	113	1.074	40	11		
3	BK4	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		22	25	167	1.653	105	22		
WEIGHT KG				167	1.653	105			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP2 - RC3 - CTK3	CREW: HÙNG - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	57	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	59	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	46	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN ĐIỂN	RP2	56	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	600	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	58	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẦN TÂN TÀI	RP2					64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ LAM	RP2	54	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	55	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC OANH	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ LÊ TRUNG	RC3	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	88	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ KHANH NAM	RC3	93	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN SAU	RC3	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC LAN	RC3	92	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO XUÂN THO	RC3	89-90	2	12		72	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KIẾN	RC3	91	1	5	35	55	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH BÌNH	RC3	95	1	12	85	67	PVGAS	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC THĂNG	RC3	96	1	12		74	PVGAS	Vietnamese
21	BOGDANOV	CTK3	68-69	2	14	25	80	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	11	9	40	748	0	8		
2	RC3	9	10	67	618	120	11		
3	CTK3	1	2	14	80	25	3		
TOTAL		21	21	121	1.446	145	22		
WEIGHT KG				121	1.446	145			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	TO: T.UNG	CREW: Toàn - MTuấn	ETA: 10:30
HONG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	T.UNG	099	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	MAXIMOV	T.UNG	998	1	7		115	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN QUANG TUYẾN	T.UNG				90	60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	98	1	12	15	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG					73	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	93	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	996	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	97	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HIỆU	T.UNG	995	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY CÔNG	T.UNG	997	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
11	KLY	T.UNG	100	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG					68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	99	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THÀNH NAM	T.UNG	94	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	91	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	T.UNG	990-991	2	15		72	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TUYẾT	T.UNG	098	1	15		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	16	104	1.276	105	17		
	TOTAL	18	16	104	1.276	105	17		
	WEIGHT KG			104	1.276	105			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: TD3 - P9 - BK6	CREW: VThắng - Linh - Toan	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE QUANG	TD3	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN QUY	TD3	40	1	7	70	78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TIET	TD3	42	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
4	MESHKOV M.Y.	TD3	33	1	15	35	80	DVL	Russian
5	TRUONG DINH VINH	TD3	35	1	10		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	TD3	34	1	12		85	DVL	Vietnamese
7	PHAN DANG TUAN	TD3	36-37	2	10		59	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN THANH	P9	97-98	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGO VAN QUAN	P9	93-94	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LE HONG DUONG	P9	87-88	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN BA DIEN	P9	85	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
12	VU VAN LINH	P9	91-92	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VAN MANH	P9	83-84	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN DUONG	P9	89-90	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN BA SON	P9	61.81	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC CHINH	P9	82	1	12	17	80	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM THANH NAM	P9	95-96	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DUY DUONG	BK6	40-41	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DOAN HA	BK6	42	1	16	10	90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	8	76	525	105	6		THAO I GHE DOI CHO HANG
2	P9	10	18	162	681	17	0		
3	BK6	2	3	33	162	10	14		
TOTAL		19	29	271	1.368	132	20		
WEIGHT KG				271	1.368	132			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/05/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: TD5 - RP2	CREW: Khang - KHOAN - QTruong	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEMIN	TD5	57	1	8	40	90	KHOAN	Russian
2	LÊ CHI CÔNG	RP2					90	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	53	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	52	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU QUAN	RP2	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	55	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	69	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	57	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI QUANG THUẬN	RP2	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	63	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	70	1	3		100	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM TRUNG KIEN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP2	61	1	10	80	80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHI	RP2	62	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN DUY KHANH	RP2	58-59	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP2	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BADIKOV . M	RP2	60	1	7	20	68	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	RP2	54	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VĂN QUỐC	RP2	48	1	3		58	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP2	50-51	2	14		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	1	8	90	40	0		
2	RP2	19	19	186	1.348	100	20		
TOTAL		20	20	194	1.438	140	20		
WEIGHT KG				194	1.438	140			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN